

3. Quyết toán kinh phí:

Các đơn vị thụ hưởng nguồn kinh phí xử phạt hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông quyết toán theo quy định tại Thông tư số 21/2000/TT-BTC ngày 16/3/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2001 và thay thế Thông tư số 48/1999/TT-BTC ngày 06/5/1999 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc sử dụng tiền thu từ xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

THÔNG TƯ số 25/2001/TT-BTC ngày 16/4/2001 hướng dẫn công tác quản lý tài chính thực hiện chế độ khen thưởng thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Căn cứ Nghị định số 56/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ quy định các hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, cụ thể hóa đối tượng tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương lao động;

Để bảo đảm mức tiền thưởng phù hợp với mức

tiền lương tối thiểu, đồng thời phát huy tính tích cực của công tác khen thưởng;

Sau khi trao đổi thống nhất với Viện Thi đua khen thưởng Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn về mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng, về trích lập, sử dụng và quyết toán nguồn tiền thưởng hàng năm như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng chế độ khen thưởng quy định tại Thông tư này là tất cả các cá nhân, tập thể được nhận các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp về thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới các hình thức, danh hiệu thi đua, cờ thi đua, Huân chương lao động các hạng, Huân chương chiến công, quân công các hạng và các loại Huân chương Độc lập, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Sao vàng tặng thưởng cho cán bộ hoạt động Cách mạng lâu năm sau ngày 15 tháng 8 năm 1998 (thời điểm Nghị định số 56/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ có hiệu lực thi hành).

II. MỨC TIỀN THƯỞNG

Căn cứ vào hình thức khen thưởng và mức tiền thưởng tối đa kèm theo các hình thức khen thưởng đối với cá nhân và tập thể, quy định tại Điều 27 và 28 của Nghị định số 56/CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ và căn cứ vào Nghị định số 77/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ về việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu, mức trợ cấp và sinh hoạt phí đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí; Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Mức tiền thưởng đối với các cá nhân:

Khi được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng thì các cá nhân được nhận tiền thưởng theo các mức sau:

1.1. Lao động giỏi, chiến sỹ giỏi: Được thưởng tiền không quá một phần hai tháng lương tối thiểu, mức thưởng 100.000 đồng.

1.2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: Được thưởng tiền không quá một tháng lương tối thiểu, mức thưởng 200.000 đồng.

1.3. Chiến sỹ thi đua tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành ở Trung ương: Được thưởng tiền không quá hai tháng lương tối thiểu, mức thưởng 400.000 đồng.

1.4. Chiến sỹ thi đua toàn quốc: Được thưởng tiền không quá ba tháng lương tối thiểu, mức thưởng 600.000 đồng.

1.5. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương: Được thưởng tiền không quá một phần hai tháng lương tối thiểu, mức thưởng 100.000 đồng.

1.6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Được thưởng tiền không quá 1 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 200.000 đồng.

1.7. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Được thưởng tiền không quá 2 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 400.000 đồng.

1.8. Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Ba: Được thưởng tiền không quá 4 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 800.000 đồng.

1.9. Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhì: Được thưởng tiền không quá 8 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 1.600.000 đồng.

1.10. Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất: Được thưởng tiền

không quá 10 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 2.000.000 đồng.

1.11. Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công các hạng: Được thưởng tiền không quá 15 tháng lương tối thiểu, theo các mức:

+ Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quân công hạng Ba được thưởng 2.600.000 đồng.

+ Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quân công hạng Nhì được thưởng 2.800.000 đồng.

+ Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất được thưởng 3.000.000 đồng.

1.12. Huân chương Hồ Chí Minh: Được thưởng tiền không quá 30 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 6.000.000 đồng.

1.13. Huân chương Sao vàng: Được thưởng tiền không quá 45 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 9.000.000 đồng.

1.14. Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Được thưởng tiền không quá 15 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 3.000.000 đồng.

2. Mức tiền thưởng đối với các tập thể:

2.1. Tập thể lao động giỏi, đơn vị giỏi được thưởng tiền không quá một tháng lương tối thiểu, mức thưởng 200.000 đồng.

2.2. Tập thể lao động xuất sắc, đơn vị Quyết thắng và hộ gia đình kiểu mẫu: Được thưởng tiền không quá 3 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 600.000 đồng.

2.3. Cờ thi đua của tỉnh, thành phố, cờ thi đua của Bộ, ngành Trung ương: Được thưởng tiền không quá 15 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 3.000.000 đồng.

2.4. Cờ thi đua của Chính phủ: Được thưởng tiền không quá 30 tháng lương tối thiểu, mức thưởng 6.000.000 đồng.

2.5. Tập thể được giấy khen của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân xã, huyện, Giám đốc sở: Được thưởng 200.000 đồng.

2.6. Tập thể được Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Được thưởng 400.000 đồng.

2.7. Tập thể được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Được thưởng 800.000 đồng.

2.8. Tập thể được Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Ba: Được thưởng 1.600.000 đồng.

2.9. Tập thể được Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhì: Được thưởng 3.200.000 đồng.

2.10. Tập thể được Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất: Được thưởng 4.000.000 đồng.

2.11. Tập thể được Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quân công hạng Ba: Được thưởng 5.200.000 đồng.

2.12. Tập thể được Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quân công hạng Nhì: Được thưởng 5.600.000 đồng.

2.13. Tập thể được Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất: Được thưởng 6.000.000 đồng.

2.14. Tập thể được Huân chương Hồ Chí Minh: Được thưởng 12.000.000 đồng.

2.15. Tập thể được Huân chương Sao vàng: Được thưởng 18.000.000 đồng.

2.16. Tập thể được công nhận Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Được thưởng 6.000.000 đồng.

III. NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ KHEN THƯỞNG

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương hưởng kinh phí

từ ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, bố trí kinh phí khen thưởng cùng với việc phân bổ dự toán chi theo Mục lục Ngân sách nhà nước, mức tối đa bằng 15% tổng quỹ lương theo ngạch bậc của số cán bộ công nhân viên chức theo biên chế được duyệt cả năm (không bao gồm các khoản phụ cấp và trích theo lương) của đơn vị để thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích công tác xuất sắc tại cơ quan, đơn vị.

Đối với các cơ quan, đơn vị có nhiều đầu mối, trên cơ sở nguồn tiền thưởng được trích trên đây, thủ trưởng đơn vị phân bổ cho các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

2. Đối với các địa phương: Trong phạm vi dự toán chi ngân sách của các cấp chính quyền địa phương (ngân sách cấp tỉnh; ngân sách cấp huyện, thị; ngân sách cấp xã, phường) đã được cấp có thẩm quyền giao bố trí nguồn tiền để khen thưởng thống nhất, mức tối đa bằng 1% trên tổng số dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp mình.

Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc (trong đó bao gồm cả tiền thưởng).

3. Đối với các doanh nghiệp nhà nước nguồn để trích thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc từ quỹ khen thưởng của đơn vị, được hình thành theo quy định của Nghị định số 59/CP ngày 03/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước.

IV. SỬ DỤNG NGUỒN TIỀN THƯỞNG

1. Nguồn tiền thưởng được sử dụng theo nguyên tắc: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nào ra quyết định khen thưởng đồng thời chịu trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen

thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc thuộc phạm vi Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý do Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chi từ nguồn tiền thưởng đã được bố trí trong dự toán năm của đơn vị mình.

2. Nguồn tiền thưởng được sử dụng để chi cho các nội dung sau:

- Chi in ấn giấy khen, bằng khen, khung bằng khen...

- Chi thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo các hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn quy định tại Chương II của Nghị định số 56/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ và các mức chi quy định tại Mục II của Thông tư này.

Riêng các khoản chi để in ấn, làm khung, cờ đối với các hình thức khen thưởng do Nhà nước trao tặng như Huân, Huy chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, cờ của Thủ tướng Chính phủ do Viện Thi đua và khen thưởng Nhà nước đảm nhận từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện khen thưởng cho cán bộ, công nhân viên chức trong đơn vị theo mức tiền thưởng quy định trong Thông tư này và phạm vi nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Khoản chi tiền thưởng được hạch toán vào mục 104 - tiền thưởng theo chương, loại, khoản tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành và được quyết toán hàng năm như các nội dung chi khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức

chính trị, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư này để vận dụng cho phù hợp.

- Thông tư này thực hiện từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 và thay thế Thông tư số 24/1999/BTC-TT ngày 04/3/1999, Thông tư số 70/1999/TT-BTC ngày 10/6/1999 và Công văn số 5942/TC-NSNN ngày 26/11/1999 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các địa phương phản ánh về Bộ tài chính để sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

QUYẾT ĐỊNH số 22/2001/QĐ-BVHTT
ngày 13/4/2001 về việc sửa đổi
**Danh mục văn bản quy phạm
pháp luật hết hiệu lực.**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Căn cứ Nghị định số 81/CP ngày 08/11/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 355/TTg ngày 28/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Văn hóa - Thông tin,

09660058

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com